

Bản án số: 01/2017/DS - ST

Ngày 31 tháng 8 năm 2017

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự,
Vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Tâm**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Bình** và bà **Ngô Thị Vân Anh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Đình Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân: Không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 02/2017/TLST-DS ngày 13/4/2017 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐST - DS ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (có mặt).

Trú tại: Thôn D, xã X, huyện TX, tỉnh Thanh hóa

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981 (có mặt).

Trú tại: Thôn D, xã X, huyện TX, tỉnh Thanh hóa.

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học X, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, được bổ sung trong các bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 15/01/2017 chị Nguyễn Thị H cho chị Nguyễn Thị H1 vay số tiền là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), chị H1 có viết giấy vay tiền với chị H, có chữ ký của các bên, lãi suất do hai bên thỏa thuận bằng miệng. Các bên thỏa thuận với nhau khi nào chị H làm nhà thì chị H1 phải trả đầy đủ số tiền trên, chị H1 đồng ý. Tháng 03/2017, do chị H làm nhà phải mua nguyên vật liệu, nhiều lần chị H đến đòi tiền chị H1 nhưng chị H1 không trả và lẩn tránh. Sau khi chị H đến đòi nhiều lần ngày 08/5/2017 chị H1 trả cho chị H được số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), chị H trừ vào số tiền chị H1 vay là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Tại Biên bản hòa giải ngày 10/5/2017 chị H và chị H1 thỏa thuận ngày 30/5/2017 chị H1 trả cho chị H số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), hết thời gian thỏa thuận chị H1 vẫn không trả và tại Biên bản hòa giải ngày 19/7/2017 chị H yêu cầu chị H1 phải trả cho chị H số tiền 155.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), chị H còn tạo điều kiện cho chị H1 trả làm hai đợt nhưng chị H1 vẫn cố tình không trả. Nay chị H yêu cầu Tòa án buộc chị H1 phải trả số tiền đã vay còn lại là 155.000.000đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*) và chị H không yêu cầu tính lãi.

Tại các bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Ngày 15/01/2017 chị Nguyễn Thị H1 có viết giấy vay tiền với chị Nguyễn Thị H, với số tiền là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) là có thật. Hai bên thỏa thuận không tính lãi, đến khi nào chị H làm nhà thì chị trả toàn bộ số tiền trên. Nhưng thực tế chị H1 cho rằng chị có vay của chị H số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) và vay làm nhiều lần. Còn số tiền chị viết trong giấy vay tiền ngày 15/01/2017 là số tiền chị H cộng gốc và lãi của số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) chị H1 vay trước khi viết giấy vay ngày 15/01/2017. Đến tháng 03/2017 chị H làm nhà chị H đến đòi tiền thì ngày 08/5/2017 chị H1 đã trả cho chị H số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), trừ vào số tiền 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), số tiền còn lại là 155.000.000đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Tại các biên bản hòa giải chị H và chị H1 thỏa thuận về số tiền trả nợ và thời gian trả nợ, chị H còn tạo điều kiện cho chị H1 trả làm 2 đợt nhưng hiện nay vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, em gái bệnh hiểm nghèo đã mất, bố mẹ già ốm đau tất cả chỉ trông nhờ vào chị. Chồng chị lại bỏ mặc không quan tâm nên chị H1 chưa có khả năng thanh toán tiền cho chị H được mà chị H1 xin trả dần, cứ ba tháng thì chị trả cho chị H số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) cho đến khi hết nợ và chị H1 chỉ trả số tiền là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

{1} Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn chị Nguyễn Thị H1. Chị H và chị H1 đều trú tại thôn D, xã X, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015.

{2} Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; giấy vay tiền đề ngày 15/01/2017, ý kiến trình bày của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 15/01/2017 chị Nguyễn Thị H có cho chị Nguyễn Thị H1 vay số tiền là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Chị H1 viết giấy vay tiền với chị H, có chữ ký của người cho vay tiền và người vay tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận

bằng miệng khi nào chị H làm nhà thì chị H1 phải trả cho chị H toàn bộ số tiền trên. Tháng 03/2017 do chị H cần tiền mua nguyên vật liệu làm nhà nên chị H đã nhiều lần yêu cầu chị H1 trả nợ, đến ngày 08/5/2017 chị H1 đã trả cho chị H số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), được trừ vào số tiền chị H1 vay 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Số tiền còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H1 nại ra rằng chị H1 chỉ vay chị H số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và lấy tiền làm nhiều lần. Còn trong giấy vay tiền ngày 15/01/2017 chị viết giấy vay tiền của chị H số tiền 160.000.000đ là bao gồm cả gốc và lãi của số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) chị vay trước

Thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Căn cứ vào Điều 91 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn chị H cung cấp là hợp lệ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị H là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Việc chị Nguyễn Thị H1 đã nại ra có vay của chị H số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) trước khi viết giấy vay tiền vào ngày 15/01/2017, nhưng chị H1 không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất: Chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{3} Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chị cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

Giành quyền kháng cáo cho các đương sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ Luật Dân sự; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.750.000đ (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) theo biên lai số 0003169 ngày 12/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn chị Nguyễn Thị H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- Phòng KTNV- THA-TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Tâm

